

# CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA BẮC THÀNH LẠC DƯƠNG

## QUYỂN 5

### 1. CHÙA THIÊN HƯ

Chùa Thiên Hư tại phía Tây Ngự đạo, Đại hạ môn. Trước chùa có Trường Duyệt Võ. Đến lúc cuối năm, dân nông nhàn rồi, các hàng sĩ giáp tập chiếu, ngàn chỏ muôn cưỡi thường đến tại đó. Có Mã Tăng Tướng ở Vũ Lâm khéo hay lúc chạm, vui đùa ném kích cùng cây cao trăm thước ngang bằng. Có Trương Xa Cừ ở Hồ Bí, ném đao ra lầu cao một trượng. vua cũng thường trông xem vui đùa ở lầu, từng bảo hai người đối nhau vui đấu. Vào thời Trung Triệu thì Trường Nguyên Võ ở tại phía Đông Bắc Đại hạ môn, nay đó là vườn phong quang có lắm nhiều rau mục tức sinh sống vậy.

### 2. CHÙA NGƯNG VIÊN

Chùa Ngưng Viên do Hoạn Quan Tế Châu Thứ Sử Giả Xán tạo lập, chùa ở tại phía Đông Ngự đạo cách một dặm ngoài Quảng mạc môn, đó gọi là làng Vĩnh Bình. Có ghi chú đó là nơi của Thái Thượng Vương quảng thời nhà Hán. Lúc mới đầu chuyển dời kinh đô đến ở tại làng đó, nhân gặp phải thân mẫu qua đời bèn xả thí vườn nhà làm chùa. Thế đất ở đó cao bầy, phía dưới gần thành quyết, phòng nhà tráng lệ tinh sạch, từng bách thành rừng, thật là nơi của các hàng tịnh hạnh tức tâm. Các hàng Vương Công Khanh Sĩ đến thăm xem làm thơ ngũ ngôn không thể tính hết số lượng.

Phía Đông Bắc thành Lạc Dương có làng Thượng Cao Cảnh, là nơi lắm nhiều Dân ngu ở. vua Cao Tổ (Hiếu Văn Đế - Thác Bạt Hoàn) đặt gọi đó là làng Văn nghĩa. Mới đầu, lúc dời kinh đô, các hàng triều sĩ đến ở trong đó, lần lượt hiềm khích châm chích nhau cuối cùng đều bỏ đi, chỉ có người làm đồ gốm ở lại trong đó. Các thứ vật dụng bằng gốm sứ tại kinh đô đều xuất phát từ làng đó. Người đời có lời ca rằng:

“Làng thượng cao ở phía Đông bắc thành Lạc Dương là nơi xưa trước đông nhiều dân ngu sinh sống, ngày nay trăm họ làm nên bình gốm”. Mọi người đều bỏ đi, kẻ ở lại xấu hổ. Chỉ có Quán Quân Tướng Quân Quách Văn Viễn đến ở trong đó. Nhà cửa vườn rừng sánh cùng Bang quân. Có Lý Nguyên Khiêm ở Lũng Tây thích song thanh ngữ, thường đi ngang qua trước vườn nhà của Quách Văn Viễn, trông thấy cửa nẻo đẹp xinh mới nói rằng: “Là vườn nhà ai đây mà đẹp xinh quá vậy?”. Đứa ở là Xuân Phong liền ra nói rằng: “Đây là nhà của Quách Quán Quân”. Lý Nguyên Khiêm bảo: “Đây là đứa ở Song Thanh?”. Xuân Phong liền nói: “Sao đứa ở mà khinh mạn mắng chửi vậy?” Lý Nguyên Khiêm bèn phục tài năn của đứa ở. Từ đó ở kinh đô tự nhiên truyền gọi đó là làng Văn Nghĩa. Có vườn nhà của Tống Vân người xứ Đôn hoàng đã từng cùng với Tuệ sinh đồng đi sứ Tây Vực. Tháng 11 năm Thần Quy thứ nhất (518) thời Bắc Ngụy, Thái hậu sai bảo sùng lập chùa đó, Tỳ khưu Thích Tuệ Sinh từ Tây Vực thỉnh mang kinh về được 170 bộ, đều là Diệu điển Đại thừa. Mới đầu phát xuất tại kinh đô theo hướng Tây đi 40 ngày đến xích lãnh tức biên cương phía Tây của nước Trung Hoa, quan ải cấm phòng của Hoàng Triều Nguyên Ngụy đóng tại đó. Xích lãnh là nơi không có cỏ cây sinh sống, nhân vì vậy mà gọi tên là đỉnh núi đỏ (xích lãnh) vậy. Núi đó có chim chuộc đồng ở một hang, khác giống mà cùng chung loài, chim trống chuộc mái cùng làm âm dương, tức chỗ gọi là chim chuộc đồng hang vậy. Lại phát xuất từ Xích lãnh theo hướng Tây đi 23 ngày vượt qua Lưu sa đến nước Thổ Cốc Hồn, giữa đường rất lạnh lắm nhiều gió tuyết, cát bay đá chạy khắp mắt đều đầy. Chỉ hai bên phải trái thành Thổ Cốc hồn hơi ấm hơn so với các nơi khác. Nước đó có chữ viết hình dạng đồng như ở nước Ngụy (Trung Hoa), phong tục chánh trị phần nhiều là Di Pháp. Từ nước Thổ Cốc Hồn theo hướng Tây đi 3.500 dặm đến thành Thiện Thiện. Thành đó tự lập vua, bị nước Thổ Cốc Hồn thôn tính. Nay trong thành đó có Đệ Nhị Tức Ninh Tướng Quân của Thổ Cốc Hồn hiện đang ở, gồm cả thủy 3.000 bộ lạc để phòng ngự Tây Hồ. Từ thành Thiện thiện theo hướng Tây đi 1.640 dặm đến thành Tả Mạt. Trong thành đó dân chúng sinh sống có khoảng trăm nhà. Đất đai không có mưa nên phải khơi nước trồng lúa, không biết dùng trâu bò để cày bừa làm ruộng. Trong thành đó đồ họa hình tượng Phật và Bồ-tát đều không giống dung mạo người Hồ mà phỏng theo hình Cổ Lão, đó là do Lã Quang đánh chiếm nước người Hồ mà làm nên vậy. Từ thành Tả mạt theo hướng Tây đi 1.275 dặm đến cuối thành, bên cạnh cuối thành hoa quả đều tương tự như ở thành Lạc

Dương, chỉ có nhà đất ngang bằng đầu là khác lạ. Từ cuối thành theo hướng Tây đi 2 dặm đến thành Hãn Ma. Từ thành ấy về phía Nam cách khoảng 15 dặm có một ngôi chùa lớn. Chúng Tăng có hơn 300 vị. Có một tôn tượng bằng vàng cao trượng sáu, nghi dung siêu tuyệt tướng tốt rực rỡ, mặt thường xoay về hướng Đông mà đứng, chẳng chịu trông nhìn về hướng Tây. Các bậc lão thành tương truyền rằng: Tôn tượng đó từ phương Nam bay vọt giữa không trung mà đến. vua nước Vu Điền đích thân đến lễ bái, thỉnh chuyển đưa về nước, vừa đi nửa đường đang lúc ban đêm bỗng nhiên không thấy tôn tượng nữa, sai người kiểm thì thấy tôn tượng trở về nơi chỗ cũ, bèn vì tạo dựng tháp, phong 400 hộ lo việc cúng dường quét tước. Trong số hộ đó như có người cảm mắc bệnh dưng vàng mỏng thếp tượng bôi thoa vào chỗ bệnh liền được lành khỏi. Người đời sau đến bên cạnh tôn tượng ấy tu tạo tôn tượng cao trượng sáu và các tháp tượng có đến số ngàn ngôi, treo phan lọng lụa thêu cũng có hàng vạn cái, phan của nước Ngụy (Trung Hoa) có hơn một nửa. Trên đầu phan có ghi viết theo lối chữ lệ là “Năm Thái Hòa thứ 19 (495)”, “năm Cảnh Minh thứ 2 (501)”, “năm Diên Xương thứ 2 (513)” (đều thuộc thời Bắc Ngụy) chỉ có một bức. Trông xem các niên hiệu đây tức là phan của thời Diêu Tần vậy.

Từ thành Hãn ma theo hướng Tây đi 878 dặm đến nước Vu Điền. Trên đầu vua đội mũ vạng tựa như gà, khăn vén tóc bịt rủ sau đầu dài 2 thước bằng sinh gạ quyên, rộng 5 tấc để trang sức. Oai nghi có trống kèn, chiêng vàng, cung tên một bộ đủ, hai cái kích, năm trượng dáo, kẻ hầu hai bên đeo mang dao không quá trăm người. Nước đó có phong tục người nữ mặc khố áo sam buộc đai cưỡi ngựa rong chạy không khác phái nam. Người chết rồi thì dùng lửa thiêu đốt, gom nhặt hài cốt để an táng, phía trên tạo dựng Phù đồ, người đang chịu tang thì cắt tóc rạch mặt lấy làm buồn đau. Tóc dài bốn tấc tức là bình thường. Chỉ có vua chết thì không thiêu đốt, đặt liệm trong quan rồi đưa đi xa đến an táng nơi đồng hoang trống, và tạo lập miếu phụng thờ cúng tế, theo thời mà nghĩ nhớ đó. vua nước Vu Điền không tin Phật pháp. Có người thương buôn nước Hồ dẫn một Tỳ-kheo tên là tỳ-lô-chiên đến dưới cây hạnh ở phía Nam thành, rồi chạy đến chỗ vua mà chịu tội và nói rằng: “Nay có dẫn đưa đến một vị Sa-môn người nước khác lượn đang ở dưới cây hạnh tại phía Nam thành”. vua nghe thế, tức giận liền sang trông xem Tỳ-lô-chiên. Sa-môn Tỳ-lô-chiên nói rằng: “Đức Như Lai bảo tôi lại đây khuyên vua tạo một cái chén che đậy ngôi Phù đồ để khiến vận phước của vua được vĩnh viễn hưng thịnh”. vua bảo: “Hãy làm cho ta

thấy được Phật thì ta sẽ vâng mạng”. Sa-môn Tỳ-lô-chiên liền gióng chuông cáo bạch, Đức Phật bèn sai Tôn giả La-hầu-la biến đổi thân hình làm Phật từ giữa không trung mà hiện chân dung. vua liền gieo cả năm vóc xuống đất lễ kính, và ngay dưới cây hạnh tạo lập chùa nhà, họa làm hình tượng Tôn giả La-hầu-la. Bỗng nhiên tự ẩn mất, vua nước Vu Điền lại tạo dựng tinh xá bao bọc chung quanh đó, bảo dùng ngói lợp che đậy lại nhưng ảnh bóng vẫn thường lưu xuất hiện rõ bên ngoài phòng nhà. Những người trông thấy không ai chẳng xoay tâm chuyển hướng. Trong đó có chiếc giày của vị Bích Chi Phật. Mãi đến nay vẫn chưa rã nát, chẳng phải bằng da, chẳng phải loại lụa dày, không ai có khả năng xét biết được. Cảnh vực của nước Vu Điền từ Đông sang Tây không quá 3.000 dặm.

Đến ngày 29 tháng 7 năm Thần Quy thứ 2 (5190 thời Bắc Ngụy, vào nước Chu-câu-ba. Dân chúng nước đó nương tựa núi để sống, ngũ cốc rất tốt tươi. Ăn dùng bún miếng lúa thóc, không có nhà nào giết hại súc vật, người ăn thịt tức dùng thịt tự chết. Phong tục ngôn ngữ nói năng tương tự như ở nước Vu Điền, chữ viết đồng như của Bà-la-môn. Biên giới nước đó, đi khoảng năm ngày thì cùng khắp. Qua đầu tháng 08 là vào biên giới nước Hán Bằng Đà. Lại theo hướng Tây đi 6 ngày lên núi Thông Lãnh. Lại theo hướng Tây đi 3 ngày đến thành Bát vu. Tiếp đi 3 ngày nữa đến núi Bất khả y (không thể nương ở). Xứ đó rất lạnh, bất kể mùa đông mùa hạ đều có tuyết đóng. Trong núi có ao. Rong độc ở đó. Xưa trước có một thương nhân, đến dừng nghỉ qua đêm bên cạnh ao, gặp rong tức giận, bèn chú giết hại thương nhân đó. vua Bằng Đà nghe vậy, bèn tạo trao ngôi vị cho con, đi đến nước Ô Trường học pháp chú thuật của Bà-la-môn, trong vòng 4 năm, khéo biết hết chú thuật ấy, trở về giữ lại ngôi vua, lại chú nguyện vào ao rong. Rong độc ấy biến làm một người tìm đến nơi vua sám hối tội quá. vua liền chuyển dời nó đến núi Thông lãnh cách khỏi ao ấy hơn 2.000 dặm. vua ấy tức vị tổ đã 13 đời của vua ngày nay vậy. Từ đó trở về hướng Tây, đường núi cây xanh um tùm bên cạnh, sườn núi dài ngàn dặm, men sườn cao muôn nhân hiểm nguy tận trời xanh, thật là tại đó vậy, nên Thái Hành mạnh môn sách đây chẳng phải nguy hiểm, như núi Hào, quan ải, sườn núi Lũng mời ngang bằng đây vậy. Phát xuất từ Thông lãnh từng bước dần cao, cứ đi như thế suốt 4 ngày mới lên đến trên đỉnh. Y cứ mà ước tính từ giữa trở xuống dưới thì đó thật đã giữa khoảng trời xanh vậy. Nước Hán Bằng Đà ngay tại trên đỉnh núi. Từ Thông lãnh trở về hướng Tây các dòng nước đều xuôi đổ về Tây. Người đời gọi đó là khoảng giữa của

đất trời. Dân chúng khơi thác dòng nước để gieo trồng được, nên cười bảo: “Trời cố sao có thể cùng mong vậy?”. Về phía Đông của thành có sông Mạnh Tân, theo hướng Đông bắc xuôi chảy đến nước Sa Lạc. Tại Thông lãnh nơi cao vút trở trời, cỏ cây không sinh mọc. Bấy giờ đang là thời tiết tháng 08, khí trời đã lạnh, gió bắc xua đuổi chim nhạn, tuyết bay ngàn dặm. Đến trung tuần tháng 9 thì vào nước Bát Hòa, xứ ấy núi cao hang sâu, đường nguy hiểm như thường, chỗ ở của vua nước ấy nhân tựa núi mà làm thành quách, dân chúng vận mặc chỉ chuyên dùng áo gĩa, đất đai rất lạnh, phải đào hang mà ở. Gió tuyết cứng mạnh cắt xé, người vật cùng nường tựa nhau. Biên giới phía Nam nước đó có núi tuyết lớn, lúc sáng mai tạm giản lỏng đến chiều thì đông kết, trông nhìn tựa như ngọn núi Ngọc.

Qua đầu tháng 10, đến nước Yết Đạt, xứ đó đất ruộng rộng nhiều, núi chằm càng trông xa. Dân chúng sống không thành quách, quân lính bằng đường thủy mà sửa trị, dùng đệm gĩa làm phòng nhà, tùy thuộc theo cỏ nước, mùa hạ thì tùy chỗ mát, mùa đông thì theo chỗ ấm mà ở. Làng nước không biết chữ nghĩa, lễ giáo đều thiên khuyết, âm dương chuyển vận không biết mức độ đó, thường năm không có đầy nhuận, tháng chẳng có phân đủ thiếu, cứ lấy 12 tháng làm thành một năm, nhận thọ các nước triều cống, phía Nam đến nước Diệp la, phía bắc đến tận nước Sắc Lạc, phía Đông trùm cả nước Vu Điền, phía Tây đến cả nước Ba Tư, có hơn 40 nước đều đến triều cống. vua trưng bày một tấm gĩa lớn ruộng vuông 40 bộ, chung quanh dùng thảm làm tường chắn, vua mặc áo gấm, ngồi giường vàng, dùng 4 con phụng hoàng bằng vàng làm sàn gác chân. Thấy kẻ sứ của nước Đại Ngụy (Nguyên Ngụy - Trung Hoa) đến, có người lại bái quỳ nhận chiếu thư. Đến lúc thiết hội, có một người xướng thì khách bước đến trước, sau đó xướng thì bái hội, chỉ có pháp thức đó, không thấy âm nhạc. Vương phi nước Yết Đạt cũng mặc áo gấm xủ rủ giữa đất dài ba thước, có kẻ sử cầm nắm lấy đeo nơi đầu một góc dài tám thước, thừa dài ba thước, dùng ngọc mai côi năm sắc để trang sức trên đó. Lúc Vương phi đi ra thì cùng theo đó, đi vào thì ngồi giường vàng, dùng voi trắng 6 ngà và 4 sư tử làm sàn, ngoài ra vợ của Đại thần đều tùy theo, đầu tán cũng tựa như có góc đoàn viên rủ xuống, tương trọng tựa như lọng báu. Xem thấy các hàng sang hèn ở xứ ấy cũng có phục chương. Với trong khoảng tứ Di thì rất là lớn mạnh. Xứ ấy không kính tin Phật pháp, phần nhiều là phụng thờ ngoại thần, sát hại sinh vật ăn uống máu thịt, vật dụng làm bằng bảy báu. Các nước đến hiến tặng có rất nhiều thứ quý lạ. Xét thấy nước Yết Đạt các kinh đô

(Lạc Dương) khoảng hơn hai vạn dặm. Đến đầu tháng 11 thì vào nước Ba Tư, đất đai nước ấy rất nhỏ hẹp, chỉ 7 ngày đi qua. Dân chúng ở men theo núi, vốn nghiệp cùng tiền, phong tục hung ác khinh mạn, thấy vua không kính lễ. vua đi ra đi vào chỉ có vài người cùng theo. Nước đó có dòng sông, xưa trước rất cạn, về sau bị núi sụp đổ nên ngăn cách dòng biến thành hai cái ao, có rồng độc ở đó và có lắm nhiều tai họa khác lạ, mùa hạ thì vui mừng mưa bão, mùa đông thì băng tuyết đóng chứa. Người đi đường vì thế nên phần nhiều rất khốn khó. Tuyết có ánh sáng sắc trắng chiếu rọi vào mắt người, khiến người nhắm mắt mịt mờ không thấy, phải cúng tế vua rồng sau đó mới bình phục. Đến giữa tháng 11 thì vào nước Xa Di, nước đó dãn ra ngoài Thông lãnh, đất ruộng cằn cỗi, dân chúng phần nhiều là nghèo hèn khốn khổ, đường đi gập ghềnh nguy hiểm, người ngựa phải cận thận bước qua, đi thẳng một đường. Lại từ nước Bát-lô-lặc hướng đến nước Ô Trường, được dùng móc sắt làm cầu treo giữa khoảng không mà vượt qua, trông nhìn xuống không thấy đáy, bên cạnh lại không có vật để nắm kéo, chỉ trong khoảng khắc ném mình xa muôn nhận. Vì thế người đi trông nhìn gió mà rơi lạc đường vậy.

Qua đầu tháng 12, vào nước Ô Trường. Xứ đó phía Bắc tiếp giáp với Thông lãnh, phía Nam nối liền với Thiên Trúc, đất đai khí hậu hòa ấm, địa phương có vài ngàn, dân vật đông nhiều sánh cùng như ở thần châu của Lâm Truy, ruộng nương tốt mầu ngang bằng trên dưới của Hàm Dương. Nơi Tỳ-la-xả thí con thơ, chỗ Tát-đỏa ném mình bố thí. Tục cũ tuy xa, thổ phong hiện vẫn còn, vua nước đó chuyên tình ăn dùng rau quả trường trai, sớm tối lễ Phật, đánh trống thổi ốc, tỳ bà, không hầu, sênh, tiêu, đều có đủ, từ giữa ngày trở về chiều mới lo việc trị nước an dân. Giả sử như có người phạm phải tội chết, chẳng lập định hình luật giết hại, chỉ đưa vào trong núi trống không mặc tình ăn uống, mọi sự trải qua nghi tợ như dùng thuốc để điều phục vậy, đực trong hản có ứng nghiệm, tùy việc nặng nhẹ liền giải quyết tức thời. Đất đai xứ đó tốt đẹp, người vật giàu có đông nhiều, trăm thứ lúa má đều tươi tốt, các thứ cây trái chín nhiều. Về đêm, nghe tiếng chuông ngân vang khắp cùng thế giới. Cứ đó lắm nhiều hoa lạ, mùa đông mùa hạ luôn nối tiếp nhau, các hàng Đạo tục hái lấy đem dâng cúng dường Phật.

Vua nước đó thấy Tông Vân, nói rằng: “Sứ giả của nước Đại Ngụy đến”. Bèn vái dài mà nhận chiếu thư. Nghe Thái hậu rất sùng kính Phật pháp, liền xoay mặt về hướng Đông chấp tay xa đốc lòng kính lễ. Và sai người hiểu biết ngôn ngữ Trung Hoa mà hỏi Tông Vân rằng: “Ông

là người nhật xuất xứ nào vậy? Tống Vân đáp rằng: “Ở biên giới phía Đông nước chúng tôi có biển nước lớn, nhất xuất từ trong đó”. Thật là ý chỉ của Như Lai”. Vua lại hỏi rằng: “Nước ấy có các bậc Thánh nhân xuất hiện chăng?”. Tống Vân bèn trình bày cụ thể về đức hạnh của Chu, Khổng, Lão, Trang tiếp nói về trên núi bông lai là cửa bạc nhà vàng, các bậc thần tiên đều ở trên đó, nói về Quản lộ khéo giỏi bói đoán, Hoa Đà trị bệnh, Tả Từ có phương thuật v.v... mọi việc như thế lần lượt phân biệt nói bày. Vua nói: “Nếu đúng như lời ông nói thì đó tức là cõi nước của Phật, đến lúc mạng chung, ta nguyện sinh về cõi nước ấy!”

Tống Vân cùng Sa-môn Tuệ Sinh khi ấy đi ra ngoài thành, lần tìm các giáo tích của Đức Như Lai. Về phía Đông dòng sông có nơi xưa kia Đức Phật hong phơi pháp y. Mới đầu, Đức Như Lai hành hóa tại nước Ô Trường, vua rồng tức giận nổi đùng gió mưa lớn, y Tăng-già-lê của Đức Phật trong ngoài đều thấm ướt. Đến lúc mưa dứt, Đức Phật dưới tảng đá xoay mặt về hướng Đông ngồi để hong phơi pháp y ca sa. Năm tháng tuy đã qua lâu xa, mà đường vắng vẫn rõ như mới, chẳng phải đường thẳng tắp rõ thấy, đến như vải vụn cũng rõ ràng. Chợt vừa sang trông thấy tựa như chưa suốt cùng, mới bảo người vạch rọc, thì đường vằn ấy càng hiện rõ. Nơi xưa kia Đức Phật ngồi và nơi hong phơi y đều có tạo lập tháp ghi rõ. Về phía Tây dòng sông có một cái ao là nơi vua rồng ở, bên cạnh bờ ao có một ngôi chùa, chư Tăng có hơn 50 vị. Mỗi lúc vua rồng tạo ra thần biến, thì vua nước đó đến cầu xin, đem vàng ngọc vật báu ném vào trong ao, sau đó nổi lên khiến chư Tăng vớt lấy. Mọi thứ ăn mặc ở chùa đó đều do tiếp đãi rồng mà dâng cúng, nên người đời xưng gọi đó là chùa long Vương. Từ Vương Thành đi về hướng Bắc khoảng 18 dặm, có dấu vết xưa kia Đức Như Lai giẫm bước trên đá, có xây dựng tháp che phía phía trên. Nơi giẫm bước trên đá, nếu dùng bùn sinh cạn mà lường đó không nhất định, hoặc dài hoặc ngắn. Nay đã có dựng lập chùa và có hơn 70 vị Tăng ở đó. Từ tháp đó đi về phía Nam khoảng 12 bộ có một suốt đá, xưa kia Đức Phật vốn thanh tịnh nhắm thành Dương rồi cắm xuống đất, liền sinh mọc lên, đến nay thành cây Đại thọ. Người Hồ gọi đó là cây Bà lâu. Ở phía Bắc thành, có chùa Đà-la, rất lắm nhiều Phật sự, Phù đồ cao lớn, Tăng phòng bát liền bên cạnh bao quanh. Có 6.000 tôn tượng bằng vàng. Mỗi năm, vua thường thiết lập Đại hội đều tại chùa ấy, các hàng Sa-môn khắp trong nước đều đông đảo nhóm tập về. Tống Vân và Sa-môn Tuệ Sinh thấy các Tỳ-kheo ấy giới hạnh tinh khổ, trông nhìn phong thái phép tắc đặc thù, càng thêm tỏ sự cung kính, bèn lưu lại hai Tỳ cung cấp lo việc quét

tức. Các Vương thành về hướng Đông nam đi bằng đường núi khoảng 8 ngày, đến nơi xưa kia Đức Như Lai tu hành khổ hạnh ném mình cho hổ đói. Núi cao lũng tung vút ẩn vào mây nguy hiểm, cây gỗ quý cỏ linh sinh mọc thành rừng trên đó, suối rừng uyển lệ, sắc hoa ánh ngời mắt thấy. Tống Vân cùng Sa-môn Tuệ Sinh cất xả bớt tư trang lương thực, đến trên đỉnh núi tạo dựng một ngôi Phù đồ, khắc ghi trên đá bài minh theo lối chủ lệ là “Công đức của nước Đại Ngụy”. Trên núi đó có chùa Thâu cốt có hơn 300 vị Tăng ở. Từ Vương thành về phía Nam đi hơn trăm dặm có nơi xưa kia Đức Như Lai làm vua nước Ma-hưu rạch lột da làm giấy chẻ cốt xương làm bút. vua A-dục tạo dựng ngôi tháp che phủ phía trên cao 10 trượng. Nơi chẻ cốt xương làm bút, tủy rơi dính trên đá, trông xem sắc màu như mỡ, béo nhờn như mới. Từ Vương thành về hướng Tây nam cách 500 dặm, có núi Thiện Trì, Ở đó suối ngọt, cây trái xinh đẹp thấy như trong kinh ghi tả. Hang núi hòa ấm, cây cỏ mùa Đông xanh tươi. Khi ấy đang lúc thái thấu ngự thần, ấm nóng đã quạt, chim hót cây xuân, bướm lượn hoa rừng. Tống Vân xa ở nơi cùng cảnh vực, nhân trông nhìn cảnh xinh đẹp đó, quay nghĩ lại trong lòng riêng quanh co nỗi lòng, bèn động vật thương xưa cũ, nên phái bó buộc bông tơ qua cả tháng, may gặp được chú thuật của Bà-la-môn, sau đó mới được bình phục tốt lành. Từ đỉnh núi về phía Đông nam có thạch thất của Thái tử chỉ một cửa mà hai phòng. Trước thất của Thái tử cách khoảng 10 bộ có một tảng đá vuông lớn, nghe rằng xưa kia Thái tử thường ngồi trên đó. vua A-dục tạo dựng tháp ghi chép lại. Từ tháp đó về hướng Nam cách một dặm là nơi am tranh của Thái tử. Từ tháp đó cách một dặm về hướng Đông bắc xuống núi đi khoảng 50 bộ, có nơi hai người con trai gái của Thái tử chạy vòng quanh cây gỗ không chịu đi, bị vị Bà-la-môn dùng gậy đánh đập máu đổ vãi trên đất, cây ấy đến nay vẫn hiện còn. Nói chỗ đất có máu đổ vãi, nay biến làm thành dòng suối, từ thạch thất đi về hướng Tây cách 3 dặm là nơi trời Đế-thích biến hóa thân làm con sư tử ngồi xổm giữa đường cản ngăn Man-khư. Dấu vết móng vuốt và lông đuôi trên đá, đến nay thấy đều còn rõ rệt. Nói hàng của A-chu-đà và con cái cung phụng nuôi dưỡng cha mẹ mù đều có tạo dựng tháp ghi lại. Trong núi có nơi sàn giường của 500 vị A-la-hán xưa kia tại hai phía Nam-bắc sắp thành hai hàng hướng về nhau mà ngồi lần lượt tương đối. Có chùa lớn, Tăng chúng có 200 vị. Nơi Thái tử ăn, từ dòng suối nước về hướng Bắc có một ngôi chùa, thường dùng vài con lừa vận chuyển lương thực lên núi, không người xua đuổi, tự nhiên qua lại, phát xuất từ giờ đầu tới giờ Ngọ thì đến nơi. Mỗi lúc đến xung xan, đó là do Thần hộ

tháp Ác-bà-tiên sai sử nên vậy. Tại chùa đó, xưa trước có một vị Sa-di thường trừ bỏ tro bụi, nhân nhập định, vị Duy-na đến lay kéo, bắt chợt da liền cốt xương lìa nhau. Nơi Ác-bà-tiên thay Sa-di ấy từ bỏ tro bụi, vua nước đó cùng Ác-bà-tiên lập miếu, đồ họa hình tượng ấy, dùng vàng thếp phết lên. Cảnh đỉnh núi có chùa Bà giang do Dạ-xoa dựng lập, Tăng chúng có 80 vị ở đó, nói rằng: “A-la-hán Dạ-xoa thường lại cúng dường quét tước lượm củi, các vị Tỳ-kheo phàm tục không được ở chùa đó”. Cũng trong thời Đại Ngụy (Nguyên Ngụy) có Sa-môn Đại Vinh đến đó lễ bái rồi đi, không dám dừng ở lại.

Đến trung tuần tháng 4 năm Chánh Quang thứ nhất (520) thời Bắc Ngụy, vào nước Kiền-đà-la, đất đai xứ đó cũng tựa như ở nước Ô Trường, vốn tên là nước Nghiệp-ba-la, bị sự phá diệt của nước Yết Đạt, bèn lập sắc cần làm vua, từ lúc trị nước đến nay đã trải qua hai đời, lập tánh hung bạo, phần nhiều làm điều giết hại, không tin Phật pháp, ham thích phụng thờ quỷ thần. Dân chúng trong nước đều là chủng tộc Bà-la-môn sùng phụng Phật giáo, ưa thích đọc tụng kinh điển, bỗng nhiên gặp phải vua đó, rất trái với tình nguyện, bèn cậy ỷ sức mạnh cùng tranh cạnh với nước Kế Tân, liền cất binh lính chiến đấu đã trải qua 3 năm. vua nước đó có 700 con voi chiến đấu, mỗi con mang chở 10 người, tay nắm dao tra, buộc dao nơi mũi voi, cùng địch đánh nhau, vua thường đứng trên cảnh núi trọn ngày không trở về, tướng soái già dân nhọc, trăm họ thán oán. Tống Vân đến trong Quân thông trình chiếu thư. vua hung bạo khinh mạn vô lễ, ngồi nhận chiếu thư. Tống Vân thấy đó Xa Di không thể chế phục, mặc tình sự cứ ngạo, không thể trách móc đó. vua sai quan Truyền sự nói cùng Tống Vân rằng: “Ông trải qua các nước, giẫm trải đường sá nguy hiểm, có được không nhọc khổ chăng?”. Tống Vân đáp rằng: “Hoàng đế chúng tôi rất đợm vị Đại thừa, xa tìm cầu kinh điển, đường sá tuy hiểm trở, nhưng chưa dám nói là nhọc mệt. Đại vương đích thân thống lãnh ba quân xa đến nơi biên cảnh, nóng lạnh chợt đổi thay, không gì chẳng hồng tộ!”. Vua ấy đáp rằng: “Không thể hàng phục nước nhỏ, thật thẹn lời hỏi ấy của ông”. Mới đầu, Tống Vân thấy vua ấy là giống người Di, không thể dùng lễ mà trách cứ, mặc tình để ngồi nhận chiếu thư, kịp đến lúc thân gần qua lại mới có tình người, bèn trách vua ấy rằng: “Núi có cao thấp, sông có lớn nhỏ, người ở trong thế gian cũng có tôn ti, vua ở các nước Yết Đạt, Ô Trường đều kính bái mà nhận chiếu thư, cơ sao riêng một mình Đại vương không kính bái?”. vua ấy đáp rằng: “Ta thấy Ngụy chúa thì kính bái, được thư thì ngồi đọc, có gì đáng lấy làm lạ. Người đợi nhận được thư của cha mẹ, còn tự ngồi

mà đọc. Đại Ngụy như cha mẹ của ta, ta cũng ngồi đọc thư, đối với lý không mấy vậy”. Tống Vân không lấy gì để khuất phục đó, bèn dẫn Sa-môn Tuệ Sinh đến một ngôi chùa, mọi sự cung cấp tiếp đãi rất lạnh nhạt. Khi ấy từ nước Bạt-đề đưa sang hai con sư tử con tặng cho vua nước Kiêu-đà-la. Tống Vân v.v... thấy đó, xét xem ý khí hùng mạnh các hình tượng họa ở Trung Hoa chẳng dưng xen phần nào nghi dung ấy.

Khi ấy lại theo hướng Tây đi 5 ngày đến nơi xưa trước kia Đức Như Lai xả bỏ đầu mặt cấp thí cho người, cũng có chùa tháp và hơn 20 vị Tăng ở đó. Lại theo hướng Tây đi 3 tháng đến sông Tân Đầu, trên bờ sông phía Tây, có nơi xưa kia Đức Như Lai làm thân cá Ma kiệt lớn từ sông mà ra, suốt trong thời gian 12 năm dùng thịt mình cứu giúp cho người. Ở đó có tạo lập tháp ghi chép lại, trên đá hiện còn có đường vân vẩy cá. Lại theo hướng Tây đi 13 ngày đến thành Phật sa phục, xứ đó sông đồng tươi tốt, thành quách ngay thẳng, dân chúng giàu có đông nhiều, rừng suối xanh tươi, đất đai sản sinh lắm thứ vật báu. Phong tục thuần thiện, trong và ngoài thành đó có các ngôi chùa cổ và nhiều danh Tăng chứng đức đạo hạnh cao kỳ. Từ thành đó về hướng Bắc cách khoảng một dặm có cung Bạch tượng, trong chùa các Phật sự đều bằng tôn tượng đá trang nghiêm rất mực hoa lệ, số lượng rất nhiều, khắp thân tôn tượng đều thếp vàng sáng rỡ lóa cả mắt người. Trước chùa có nhiều cây gỗ bạch tượng. Chùa ấy hưng thịnh thật do từ đó, hoa lá tự như tảo đến cuối mùa Đông mới chín. Các bậc lão đức tương truyền rằng: “Cây đó hủy diệt thì Phật pháp cũng hủy diệt vậy”. Trong chùa có đồ họa hình tượng vợ chồng Thái tử đem hai người con trai gái tặng cho vị Bà-la-môn cầu xin. Những người nước Hồ trông thấy đó không ai chẳng buồn khóc. Lại theo hướng Tây đi một ngày đến chỗ xưa kia Đức Như Lai khoét mắt cho người, cũng có xây dựng chùa tháp. Trên đá ở chùa ấy còn có dấu vết của Đức Phật Ca-diếp.

Lại theo hướng Tây đi một ngày, dùng thuyền vượt qua một dòng sông sâu xa hơn 300 bộ, lại theo hướng Tây nam đi hơn 60 dặm đến thành Kiêu-đà-la, lại về phía Đông nam, có Phù đồ Tước Ly. Theo truyền của Sa-môn Đạo Minh nói là từ thành về phía Đông cách 4 dặm. Suy xét về cội nguồn thì lúc Đức Như Lai còn tại thế cùng các đệ tử vân du giáo hóa xứ đó. Đức Phật chỉ về hướng Đông mà bảo rằng: “Sau khi ta nhập Niết-bàn khoảng 300 năm có một vị Quốc vương tên là Ca-ni-sắc-ca tạo lập Phù đồ tại xứ này”. Sau khi Phật nhập Niết-bàn 300 năm, quả nhiên có vị Quốc vương tự là Ca-ni-sắc-ca vân du ra phía Đông thành thấy 4 Đồng tử dùng phần trâu đắp tháp cao 3 thước,

bồng nhiên ẩn biến mất. Theo truyện Sa-môn Đạo Vinh nói là Đồng tử ở giữa không trung mà nói kệ, vua lấy làm quái lạ về các đồng tử đó nên liền làm tháp che phủ phía trên, tháp bằng phần ấy dần cao trội vượt ra bên ngoài cách đất cao 400 thước, sau đó bèn ngưng, vua mới lại mở rộng nền móng tháp hơn 300 bộ. Theo truyện Sa-môn Đạo Vinh nói là cao 390 bộ, từ đó lại kết cấu cây gỗ mới được ngang bằng, theo truyện Sa-môn Đạo Vinh nói là cao 3 trượng và đều dùng bằng đá vữa để làm thêm cấp, trụ đội, phía trên mới kết cấu các cây gỗ. Có cả thảy 13 thêm cấp, phía trên có trụ sắt cao 3 thước, có 13 lớp mâm vàng hợp lại, cách đất cao 700 thước. Theo truyện Sa-môn Đạo Vinh nói là trụ sắt cao 88 thước, có 80 vòng vây, có 15 lớp mâm vàng. Cách đất cao 63 trượng 2 thước, khi công việc thi hành đã hoàn tất, tháp bằng phần kia trở lại như mới đầu. Từ tháp lớn về phía Nam cách 3 bộ là nơi có vị Bà-la-môn không tin tháp ấy bằng phần nên đưa tay sờ mó xem, bèn làm thủng một lỗ, năm tháng trải qua tuy đã lâu dài nhưng phần ấy vẫn còn không rã hoại, có người dùng hương nên để bít lấp lỗ ấy nhưng không thể đầy. Nay làm lồng thiên cung trùm phủ lên đó. Ngôi Phù đồ Tước Ly kể từ khi tạo lập đến nay đã trải qua 3 lần bị lửa trời thiêu đốt, Quốc vương tu sửa trở lại như cũ. Các bậc lão thành nói: “Ngôi Phù đồ ấy bị lửa trời thiêu đốt tức Phật pháp sẽ hủy diệt vậy”. Theo truyện Sa-môn Đạo Vinh nói khi vua tu sửa Phù đồ, thợ gỗ làm đã xong, chỉ còn có trụ sắt không sao cất lên nổi, vua mới bảo ở bốn góc xây dựng các ngôi lầu cao, thiết đặt vàng bạc và các vật báu. vua cùng phu nhân và các Vương tử đều ở tại trên lầu, đốt hương rải hoa chí tâm tinh thành, sau đó dùng con lăn ròng rọc thắt chặt và kéo, chỉ một lần đất bèn lên đến nơi. Các người Hồ đều nói đó là bốn Thiên vương hỗ trợ. Nếu chẳng như thế thì thật sức người không thể nâng đất. Mọi vật rong tháp thảy đều bằng vàng ngọc, ngàn biến muôn hóa, khó thể xưng kể. Lúc mặt nhật vừa ló dạng thì mâm vàng sáng rực, gió nhẹ dần lay động các linh báu hò reo. Đó là ngôi Phù đồ ưu việt đứng đầu trong các ngôi Phù đồ ở Tây Vực. Tháp đó lúc mới hoàn thành thì dùng trần châu làm lưởi che phủ phía trên, sau đó vài năm vua mới suy lường là lưởi châu ấy giá trị cả muôn vàng, sau khi ta qua đời sợ có người cướp đoạt, lại nghĩ đến lúc tháp lớn hư hoại không người tu bổ, nên bèn mở lưởi châu ngọc ấy và dùng vạc đồng đựng đầy đo, đưa về phía Tây bắc các tháp trăm bộ đào bởi đất mà chôn lấp đó, phía trên trồng cây, cây tên là Bồ-đề, cành nhánh bủa bốn phía, lá che phủ kín trời. Bốn mặt phía dưới cây đều có tôn tượng ngôi, mỗi mỗi cao trượng năm. Thường có 4 con rồng gìn giữ châu ngọc

đó, nếu có người khởi tâm ý muốn lấy thì liền có họa biến tai ương, nên khắc đá làm bia minh căn dặn cùng người đời sau vậy. Nếu tháp đó hư hoại thì nhọc phiền các bậc hậu hiền phải cầu kiếm ra châu ngọc để tu sửa lại. Từ Phù đồ Tước Ly về phía nam cách 50 bộ có một tháp đá hình thể tròn thẳng cao 2 trượng rất có thần biến, hay cùng với người đời mà biểu lộ mọi sự tốt xấu. Xúc chạm vào tháp, nếu là người có được tốt lành thì linh báu liền ứng vang, còn nếu là người mắc phải xấu ác thì giả sử có khiến người lau động cũng không chịu phát ra tiếng. Sa-môn Tuệ Sinh hiện tại xa cách nước nhà, sợ có điều không tốt lành khi trở về, bèn kính lễ thần tháp cầu xin một ứng nghiệm, khi ấy đưa tay xúc chạm lấy, linh liền ứng vang tiếng. Có được điềm ứng ấy, Sa-môn Tuệ Vinh bèn dùng để ủy tâm riêng của mình, về sau, lúc trở về quả nhiên thật được tốt lành.

Mới đầu xuất phát từ kinh đô, Sa-môn Huệ Sinh được Hoàng thái hậu ban giao 1.000 bức lụa 5 sắc dài trăm thước, 500 chiếc đũa bằng lụa thơm, các hàng vương công khanh sĩ dâng tặng 2.000 bức, từ trước vu diên đến nước Kiên-đà-la trải qua các nơi có Phật sự, Sa-môn Huệ Sinh đều để lại cúng dường bố thí. Đến đây thì đã gần hết, chỉ lưu lại một bức lụa trăm thước của Hoàng thái hậu, phỏng nghĩ muốn để dâng cúng tháp vua Thi Tỳ. Tống Vân lưu lại hai người tôi tớ phụng dâng ở Phù đồ Tước Ly trọn sung công việc quét tước. Sa-môn Huệ Sinh bèn cắt giảm lương thực tư trang, khéo chọn thợ giỏi dùng Đồng phỏng tạo nghi dung Phù đồ Tước Ly và 4 tháp biến của Đức Phật Thích Ca.

Từ đó lại theo hướng Tây bắc đi 7 ngày, vượt qua một dòng sông lớn đến nơi kia Đức Như Lai làm vua Thi Tỳ cứu chim bồ câu, ở đó cũng có tạo dựng chùa tháp. Xưa kia hầm kho của vua Thi Tỳ bị nạn lửa đốt cháy. Trong đó gạo canh cháy tiêu đến nay vẫn còn, nếu như ăn được một hạt thì trọn không cảm mắc bệnh sốt rét. Dân chúng nước đó cầu thuốc thường ngày đến lấy đó. Theo truyện Sa-môn Đạo Vinh nói đến nước Na-ca-la-ha có cốt xương đỉnh đầu Đức Phật, vuông tròn 4 tác sắc màu vàng trắng, phía dưới có lỗ hồng xỏ lọt ngón tay người, nghiêng mình trông nhìn tựa như tổ ong lật ngửa. Đến chùa kỳ Hạ lam, có pháp y ca sa 13 điều của Đức Phật, dùng thước để đo lường thì hoặc ngắn hoặc dài không nhất định. Lại có chiếc tích trượng của Đức Phật dài khoảng trượng bảy, dùng nước ông trúc dựng đầy đó, dùng vàng dát mỏng phía trên, tích trượng ấy nặng nhẹ cũng không nhất định. Gặp có lúc nặng cả trăm người nâng cũng không nổi, gặp có lúc nhẹ thì chỉ hai người bèn nâng được. Trong thành Na-kiệt có cốt răng và tóc của Đức Phật, đều

làm hộp báu mà đựng để tôn thờ, sớm tối lễ bái cúng dường. Đến Cù-la-la-lộc thấy ảnh bóng của Đức Phật. Vào hang núi đi khoảng 15 bộ, đến gần để xem thì mặt mờ không thấy, đưa tay sờ má vào nhau nổi trội ưu đặc thật hiếm có ở đời. Trước hang có một tảng đá vuông, trên tảng đá có dấu chân Đức Phật, từ hang về phía Tây nam cách khoảng 100 bộ có nơi xưa kia Đức Phật giặt nhuộm y, về phía Bắc của hang cách một dặm có hang của Tôn giả Mục Kiền Liên. Từ hang đó về phía Bắc có núi, dưới núi có ngôi Phù đồ do chính tay đạo phẩm đắp xây cao 10 trượng và có ghi là “Ngôi Phù đồ này vùi lấp trong đất thì Phật pháp sẽ hủy diệt”. Lại thêm có làm 7 ngôi tháp khác. Phía Nam của 7 ngôi tháp ấy có một tảng đá khắc ghi rằng: “Tự tay Đức Như Lai ghi viết chữ người Hồ rõ ràng, đến nay có thể nhận biết vậy”. Sa-môn Huệ Sinh ở tại nước Ô Trường 2 năm. Phong tục của người Hồ phương Tây đại đồng tiểu dị không thể ghi tả hết cụ thể.

Đến tháng 2 năm Chánh Quang thứ 2 (521) thời Bắc Ngụy, nay trở về kinh đô, Huyền Chi căn cứ theo hành ký của Sa-môn Huệ Sinh có nhiều sự không ghi tả hết. Nay y cứ theo truyện Sa-môn Đạo Vinh và ghi chép ở nhà của Tống Vân, nên đều ghi chép lại đây để hoàn bị phần văn khuyết thiếu ấy.

Hai phía Đông-tây của kinh đô Lạc Dương dài 20 dặm, hai phía Nam-bắc rộng 15 dặm, có hơn mười vạn chín trăm hộ dân. Ngoài các miếu, xã, cung, thất, phủ, tào ra, cứ vuông 300 bộ làm thành một làng, mỗi làng mở 4 cửa. Mỗi cửa đặt 2 người chánh làng, 4 người quan lại và 8 người Môn sĩ, gồm cả thầy có 220 làng. Có 1.367 ngôi chùa. Vào năm Thiên Bình thứ nhất (534) thời Đông Ngụy, chuyển dời kinh đô Lạc Dương đến Nghiệp thành. Tại Lạc Dương, ngoài 421 ngôi chùa, về phía Bắc trên Mang sơn có chùa Bằng vương, chùa Tề Hiến Võ vương. Từ kinh đô về cửa đá phía Đông có chùa Nguyên Lãnh Quân, chùa Lưu Trường Thu, trong Tung Cao có chùa Nhân Cư, chùa Tê Thiên, chùa Tung Dương, chùa Đạo Tràn, phía trên có chùa Trung Đảnh, phía Đông có chùa Thăng Đạo. Cửa Quyết phía Nam kinh đô có chùa Thạch Quật, chùa Linh Nham. Phía Tây kinh đô, nói sông Triền có chùa Bạch Mã, chùa Chiếu Lạc. Các chùa như thế v.v... đều nằm ngoài thành quách, không thuộc trong số hạn, cũng ghi rõ đó vậy.

CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA BẮC THÀNH LẠC DƯƠNG  
QUYỂN 5  
(Hết)

## LỜI BẠT GHI VỀ CÁC NGÔI GIÀ LAM TẠI THÀNH LẠC DƯƠNG

Ở đời tương truyền bộ “Lạc Dương Già Lam Ký” ( ghi về các ngôi già lam tại thành Lạc Dương) thì bản khắc ở nhà Như Ấn thời nhà Minh là xa xưa nhất. Huân Khương cũng có một bản, trong quyển 2 khuyết mất 498 (chữ?) cả thảy gồm 3 trang. Căn cứ theo “giai hiệu lục” của Viên Tuy và lời bạt của Mao Phủ Quý đã ghi là: “Trong quyển 2 thoạt mất 3 trang giấy, có người khéo biết việc lưu truyền ghi tả để bổ chú. Mỗi người có sự chẳng đồng là do từ xưa trước vậy, theo thư mục Thiết cầm (đàn sắt) Đồng kiếm (kiếm đồng) lâu (lâu) của Cù Thị cũng xưng nói ở quyển một quyển hai có khuyết thiếu trang, căn cứ theo Cổ giản tân hiệu bản bổ lục, thì tiếc xa ở tại trong nam không thể đến, nhân theo bản chữ Quát ở nhà Ngô Chân Ý tại Hoàng xuyên bổ thích 3 trang ấy. Vọng nghe Ngô Chân Ý cùng Ngô Nhã Chuẩn tập chứng, đều phát xuất từ nguồn của Như Ý, nay lấy để xét đối cũng chưa hẳn hết. Nhưng đại khái mỗi mỗi đều có hiệu đính và cải đổi. Bản khắc của Như Ấn tự hồ xuất phát từ thời Gia Tĩnh tức niên hiệu Gia Tĩnh 1522-1567 thời nhà Minh), chưa rõ là do ai làm ra. Y cứ theo thể thức ấn hành để tặng cho người có đồng chí hướng là Võ Tấn Huân Khương vào đầu mùa hạ năm Ất mao (1555) vậy.

Trong thời Nguyên Ngụy, từ Hiến Tổ (?) mền chuộng cái học của Phù đồ ( Phật Đà), đến Thái hậu mà lạm thương. Nguyên do làm bộ “Già Lam ký” này là phô bày xiển dương nhà Phật, và nhân đó mà đề cập đến văn hóa con người. Trước soạn mọi sự kỳ lạ của vườn, rừng, ca - vũ, quỷ - thần, kỳ - quái, hưng - vong đệ ngụ cho mọi sự khen chê, lại chẳng phải nhọc ghi về các ngôi Già lam mà thôi vậy. Nét bút xảo diệu tinh hoa, ý tứ kỳ đặc trong sạch cao vút, tuy truyện Phong Thần của Vệ Thúc Bảo, sách Tư Thái của vương di Phủ cũng chưa đủ để sánh ví với đây vậy. Trông xem lại Cao Tông (?) cho rằng Đất Bắc là chất lỗ, dời đô Lạc Dương, lập Quốc tử Thái học, bốn lớp tiểu học. Như các ông Lý Xung, Lý Bưu, Cao Lư, Vương Túc, Quách Tộ, Tống Biện, Lưu Phương, Thôi Quang v.v... đều dùng văn nhã đáng nhìn, thân gần chế tác lễ nhạc tốt tươi khả quan. Có triều đại Nguyên (Bắc) Ngụy trải suốt thời gian 149 năm (386-534), rất là hiếm có. Lại chưa thể cho rằng từ niên hiệu Vĩnh Bình (508-512) thời Bắc Ngụy trở về sau mới chuyên chuộng Phật giáo mà thiếu vậy!

*Mao Tấn ở Hồ Nam kính ghi.*

